TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hóa
Ông Đỗ Công Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị S - sinh năm 1990
Địa chỉ: T3, thị trấn D, D, Khánh Hòa. Bà S có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T - sinh năm 1988
Địa chỉ: T3, thị trấn D, D, Khánh Hòa. Ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Bà và ông Trần Quốc T tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D vào năm 2011. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Ông T thường xuyên ăn nhậu, bài bạc không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2016, bà và ông T đã ly thân. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có biết nhưng vợ chồng tự giải quyết nên gia đình không can thiệp. Bà đã cố gắng ngồi lại nói chuyện, cho ông T cơ hội để thay đổi bản thân nhưng vẫn không có kết quả. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông T, không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Trần Quốc T1 - sinh ngày

29/12/2009 và Trần Lê Uyển N, sinh năm 2012. Cháu N đã mất vào năm 2020 do đuối nước. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn T2 không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn không có lời khai, không đến Tòa làm việc.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị S đối với bị đơn ông Trần Quốc T. Về con chung: Giao con chung Trần Quốc T1, sinh năm 2009 cho bà S nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T; tài sản chung, nợ chung bà S không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Bà S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S và ông Trần Quốc T tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 237/2011 ngày 19/12/2011; đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét: Nguyên đơn bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Trần Quốc T vì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà S xác định không còn tình cảm với ông T, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay, bà xác định không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân, không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông T không đến Tòa làm việc, không có lời khai và tại phiên tòa ông T cũng vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông T có thái độ bỏ

mặc, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của vợ chồng, không muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét tình cảm vợ chồng giữa bà S và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà S có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà S và ông T có 02 con chung: Trần Quốc T1 - sinh ngày 29/12/2009 và Trần Lê Uyển N, sinh năm 2012. Cháu N đã chết vào năm 2020.

Bà S có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1, ông T vắng mặt không có ý kiến, cháu T1 có nguyện vọng được ở với mẹ nên để đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của cháu cần giao cho bà S nuôi dưỡng là phù hợp. Bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S xác định không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét. Do bị đơn ông T chưa có lời khai về vấn đề này nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Bà S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị S được ly hôn với ông Trần Quốc T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Quốc T1 - sinh ngày 29/12/2009 cho bà Lê Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Trần Quốc T. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, bà S và ông T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Lê Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001190 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Như vậy, bà Lê Thị S đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bán án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Tuyết Sương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh; (nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.